TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **27**/2019/HNGĐ-ST
Ngày 15-5-2019
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Dương Minh Út.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Minh Lắm.

Ông Trịnh Hữu Hiệp.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Lụa là Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

Ngày 15 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 96/2019/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2019 về tranh chấp ly hôn và nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Bé S, sinh năm 1985 (có mặt).
Nơi cư trú: Ấp 6, xã N, huyện M, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Anh Quách Văn T, sinh năm 1980 (có mặt).
Nơi cư trú: Ấp 8, xã N, huyện M, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 29-3-2019 và biên bản hòa giải ngày 24-4-2019 cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Nguyễn Bé S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Bé S và anh Quách Văn T tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện M, tỉnh Cà Mau ngày 10-01-2005. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng ý kiến trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày và trong việc tính toán làm ăn, vợ chồng không quan tâm chia sẻ nhường nhịn nhau, anh T thường xuyên uống rượu không chăm lo cho gia đình. Trong cuộc sống sinh hoạt vợ chồng không gần gũi, đã ly thân từ ngày 12-01-2019 âl cho đến nay. Nay chị S không còn tình cảm với anh T nên yêu cầu được ly hôn.

Về nuôi con chung: Chị S và anh T có 03 con chung tên Quách Sang S (nữ), sinh ngày 19-9-2006, hiên nay anh T đang trực tiếp nuôi dưỡng; Quách Ngọc Đ (nữ), sinh ngày 28-8-2008 và Quách Thùy D (nữ), sinh ngày 27-6-2011, chị S đang trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị S yêu cầu con có nguyện vọng sống với ai thì người đó nuôi; không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị S và anh T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị S xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản hòa giải ngày 24-4-2019 cũng như tại phiên tòa, bị đơn là anh Quách Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh T thống nhất với lời trình bày của chị S về thời điểm xác lập quan hệ hôn nhân, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn và nguyên nhân mâu thuẫn. Nay anh T vẫn còn tình cảm yêu thương chị S nên không đồng ý ly hôn.

Về nuôi con chung: Trường hợp Tòa án chấp nhận cho ly hôn, anh T đồng ý theo nguyện vọng các con muốn chung sống với ai thì người đó nuôi; không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh T thống nhất với nguyên đơn, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại văn bản ghi nguyện vọng con chung ngày 24-4-2019, thể hiện: Cháu Sang S có nguyện vọng sống với anh T; cháu Ngọc Đ và Thùy D có nguyện vọng tiếp tục chung sống với chị S.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Bé S và anh Quách Văn T tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện M, tỉnh Cà Mau ngày 10-01-2005 đúng theo quy định tại Điều 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị S và anh T được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp và bảo vệ.

[2] Xét yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Bé S, thấy rằng: Tại phiên tòa, chị S xác định vợ chồng đã ly thân từ ngày 12-01-2019 âl cho đến nay; hiện nay chị không còn tình cảm yêu thương anh T và thể hiện sự quyết tâm mong muốn được ly hôn. Đồng thời, chị S khẳng định đời sống hôn nhân không thể duy trì, mâu thuẫn giữa vợ chồng không thể hàn gắn đoàn tụ. Trường hợp tiếp tục chung sống sẽ không mang lại hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của chị S được ly hôn với anh T.

[3] Về nuôi con chung: Chị S và anh T đều thống nhất khi ly hôn nguyện vọng con chung muốn sống với ai thì người đó nuôi dưỡng; không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Tại văn bản ngày 24-4-2019, cháu Sang S có nguyện

vọng sống với anh T; cháu Ngọc Đ và Thùy D có nguyện vọng tiếp tục chung sống với chị S. Trên cơ sở xem xét nguyện vọng các con chung, cần giao cháu Sang S cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng; giao cháu Ngọc Đ và Thùy D cho chị S tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh T và chị S không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Chị S và anh T không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị S và anh T tự thỏa thuận về tài sản chung và thống nhất xác định không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét trong vụ án này.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Bé S phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu, theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 51, 56, 81 và 82 của Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Bé S ly hôn với anh Quách Văn T.

- Về nuôi con chung: Giao con chung là Quách Sang S (nữ), sinh ngày 19-9-2006 cho anh Quách Văn T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; giao Quách Ngọc Đ (nữ), sinh năm 28-8-2008 và Quách Thùy D (nữ), sinh năm 27-6-2011 cho chị Nguyễn Bé S tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Chị S và anh T không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Chị Nguyễn Bé S và anh Quách Văn T không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Bé S và anh Quách Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Nguyễn Bé S phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Ngày 29 tháng 3 năm 2019, chị S đã

dự nộp án phí 300.000 đồng tại biên lai số 0004294 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh, tỉnh Cà Mau, được chuyển thu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Chị Nguyễn Bé S và anh Quách Văn T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện U Minh;
- Chi cục THADS huyện U Minh;
- UBND xã N, huyện M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Dương Minh Út